TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ VĨNH CHÂU** **TỈNH SÓC TRĂNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 145/2023/DS-ST

Ngày: 25/9/2023

V/*v tranh chấp hợp đồng vay tài sản.*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ VĨNH CHÂU, TỈNH SÓC TRĂNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Vũ Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Triệu Láth.

Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh.

Thư ký phiên tòa: Ông Lê Anh Đô, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu.

Trong ngày 25 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 184/2023/TLST-DS ngày 05 tháng 6 năm 2023 về việc *"Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 160B/2023/QĐST-DS ngày 28 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông T, sinh năm 19Y (có mặt);

Địa chỉ: Số nhà A, đường M, Khóm Y, Phường X, thành phố L, tỉnh Bạc Liêu.

2. Bị đơn: Bà A, sinh năm 19U (vắng mặt);

Địa chỉ: Khóm T, phường K, thị xã V, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 01/4/2023 cũng như tại phiên toà nguyên đơn ông T trình bày:

Ông T cho bà A vay với số tiền là 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng).Tại thời điểm vay tiền hai bên có viết giấy vay tiền và thỏa thuận bà A sẽ trả lãi hàng tháng theo lãi suất 02%/tháng và trả vốn gốc sau một tháng. Tuy nhiên, sau khi nhận tiền, bà A không trả vốn gốc mà trả lãi hàng tháng tính đến ngày 31/3/2023 với số tiền là 40.500.000 đồng. Tại phiên tòa, ông T yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc bà A phải có nghĩa vụ thanh toán nợ cho ông T số tiền là 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng).

- Buộc bà A phải có nghĩa vụ thanh toán tiền lãi tính từ ngày 01/4/2023 (ngày khởi kiện) đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 25/9/2023 là 05 tháng 25 ngày (làm tròn 05 tháng) theo mức lãi suất 20%/năm (tương đương 1,66%/tháng): 150.000.000 đồng x 1,66%/tháng x 05 tháng = 12.450.000 đồng.

Tổng cộng vốn gốc và lãi là 162.450.000 đồng (một trăm sáu mươi hai triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

Đối với bị đơn bà A: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tiến hành thông báo thụ lý vụ án; thông báo về phiên họp để kiểm tra việc tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo quy định của pháp luật và triệu tập hợp lệ đối với bà A nhưng bà A vắng mặt và không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án. Tòa án đã tiến hành mở phiên họp để kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo quy định tại khoản 1, khoản 2 và khoản 3 Điều 210 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Tòa án có thông báo kết quả mở phiên họp cho bà A biết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về pháp luật tố tụng:

[1] Nguyên đơn ông T khởi kiện yêu cầu bị đơn bà A phải có nghĩa vụ thanh toán số tiền là 162.450.000 đồng (một trăm sáu mươi hai triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng). Xét thấy, yêu cầu khởi kiện của ông T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Vĩnh Châu quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Tòa án thụ lý giải quyết trong phạm vi đơn khởi kiện của nguyên đơn theo quy định tại khoản 1 Điều 5 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Bị đơn bà A đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn bà A theo quy định của pháp luật.

Về pháp luật nội dung:

[1] Vào ngày 23/9/2020, ông T cho bà A vay số tiền là 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng). Xét thấy, tại thời điểm vay tiền hai bên có làm giấy nhận nợ ghi ngày 23/9/2020. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự thì ông T không cần phải chứng minh. Do đó, ông T yêu cầu bà A phải có nghĩa vụ thanh toán số

tiền vay là 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng) là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về tiền lãi: Nguyên đơn ông T yêu cầu bị đơn bà A phải có nghĩa vụ trả tiền lãi đối với số tiền từ ngày 01/4/2023 (ngày khởi kiện) đến ngày xét xử sơ thẩm theo mức lãi suất 20%/năm. Xét thấy, yêu cầu của nguyên đơn ông T đối với tiền lãi là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự, nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Cụ thể được tính như sau: Tính từ ngày 01/4/2023 (ngày khởi kiện) đến ngày xét xử sơ thẩm ngày 25/9/2023 là 05 tháng 25 ngày (nguyên đơn yêu cầu làm tròn 05 tháng) theo mức lãi suất 20%/năm (tương đương 1,66%/tháng): 150.000.000 đồng x 1,66%/tháng x 05 tháng = 12.450.000 đồng.

[3] Từ những phân tích nhận định trên, Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 288, 357, 463, 466; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông T đối với bị đơn bà A.

Buộc bị đơn bà A phải có nghĩa vụ thanh toán trả nợ cho ông T tổng cộng vốn gốc và lãi số tiền là 162.450.000 đồng (một trăm sáu mươi hai triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông T được chấp nhận, nên bị đơn bà A phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 và khoản 2 Điều 143; khoản 3 Điều 144; khoản 1 Điều 147; Điều 244, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Các Điều 288; Điều 357; Điều 463, 466; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

- Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông T đối với bị đơn bà A.

Buộc bị đơn A phải có nghĩa vụ thanh toán trả nợ cho ông T tổng cộng vốn gốc và lãi số tiền là 162.450.000 đồng (một trăm sáu mươi hai triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, ông T có đơn yêu cầu thi hành án thì hàng tháng bà A còn phải trả lãi cho ông T theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, đối với số tiền chậm thi hành án.

2. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc bị đơn bà A phải chịu là 8.122.500 đồng (tám triệu một trăm hai mươi hai nghìn năm trăm đồng).

- Nguyên đơn ông T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Đồng thời, ông T được miễn nộp tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm nên tiền tạm ứng án phí không phải xử lý.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo đối với bản án sơ thẩm trong hạn luật định 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Đối với đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo đối với bản án sơ thẩm kể từ ngày nhận bản án hoặc niêm yết.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014)".

Nơi nhận:
- VKSND TX Vĩnh Châu;
- THADS TX Vĩnh Châu;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Vũ Phương